

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2020/DS-ST  
Ngày 31 – 7 – 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Ông Châu Trung Trực

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 302/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1977; cùng cư trú tại: Ấp T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn G thể hiện:**

Vào ngày 07/7/2019 anh G cho ông Phạm Văn L và bà Huỳnh Thị C mượn số tiền 50.000.000 đồng, ông L làm biên nhận nhưng đến nay không trả lại. Do vậy, anh G yêu cầu ông L, bà C trả số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

**\* Đối với ông Phạm Văn L và bà Huỳnh Thị C:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông L, bà C; các đương sự này không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của anh G và không tham gia hòa giải, xét xử.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn G khởi kiện yêu cầu ông Phạm Văn L và bà Huỳnh Thị C trả lại số tiền vay nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông L, bà C đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Theo biên nhận ngày 07/7/2019 ông L ký xác nhận mượn số tiền 50.000.000 đồng. Tại văn bản thể hiện ý kiến của của ông L, bà C trong vụ án do bà Nguyễn Thị Huệ khởi kiện thể hiện: *“Tôi không đồng ý yêu cầu của bà Huệ, bởi bà Huệ không phải là chủ thể khởi kiện đòi tài sản đối với vợ chồng tôi, vợ chồng tôi không có thiếu tiền, vàng gì bà Huệ; cụ thể: Bà Huệ cung cấp cho Tòa án các chứng từ (biên nhận tiền, vàng) giữa tôi (Phạm Văn L) với cháu Cần, giữa tôi với bà Nguyễn Thị Than, giữa tôi với ông Nguyễn Văn G, giữa tôi với ông Nguyễn Văn Hữu, giữa tôi với bà Hứa Mỹ Nhiên. Hoàn toàn không có biên nhận nợ tiền nào của bà Huệ”*.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, ông L, bà C không có ý kiến phản đối với tài liệu, chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của anh G nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, việc anh G xác định ông L, bà C còn thiếu số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán: Mặc dù biên nhận do ông L là người ký nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông L, bà C nên cùng có trách nhiệm liên đới về nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho anh G theo quy định tại các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, anh G yêu cầu ông L, bà C trả lại số tiền nêu trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông L, bà C phải chịu là 2.500.000 đồng (50.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn G. Buộc ông Phạm Văn L và bà Huỳnh Thị C trả cho anh G số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh G cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả thì hàng tháng ông L, bà C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông L, bà C phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

- Anh G không phải chịu. Hoàn trả lại cho anh G số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010606 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Càn**